

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 744 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
	TỔNG SỐ						4.009.300	1.994.490	771.789	1.147.721				
	- Vốn TW cân đối						1.747.300	945.749	325.789	330.721				
	- Thu tiền sử dụng đất						1.830.000	835.241	372.500	737.000				
	- Thu XSKT						432.000	213.500	73.500	80.000				
	Phân bổ chi tiết									1.147.721	330.721	737.000	80.000	
I	THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH				1.783.300	411.493	308.546	212.852	60.661	52.213	12.073	40.140	-	
a	Đã quyết toán									12.073	12.073	-	-	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Kênh Chàm và đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Nam thuộc Hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cẩm, tỉnh Ninh Thuận (thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung)	7458948	Sở Nông nghiệp và PTNT	985/QĐ-UBND 24/7/2023	100.085		367			367	367			
2	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	7645252	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	564/QĐ-UBND 31/3/2017 1079/QĐ-UBND 04/8/2022	406.479	73.243	42.530	30.978	-	1.175	1.175			
3	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	7414053	UBND huyện Bắc Ái	1201a 11/8/2020	186.984	30.815	30.000	19.668	-	10.332	10.332			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
4	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	7540188	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286	12.735	12.536	568	199	199			
b	Dự kiến quyết toán trong năm 2024									40.140	-	40.140	-	Bổ trí vốn chi tiết cho các dự án sau khi có quyết toán được duyệt
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	7652681	Sở Giáo dục và Đào tạo	1844 31/10/2018	197.280	147.280	73.399	54.046	10.093					
2	Cột thu lôi chống sét năm 2023	8023766	Chi cục Thủy lợi	522/QĐ-UBND 20/4/2023	14.624	14.624	63.000	30.505	10.000					
3	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận		Trường Cao đẳng nghề	2644 03/12/2010	375.942		11.460	-						
4	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	7733247	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1769/QĐ-UBND 22/11/2018 1029/QĐ-UBND 03/8/2023	99.342	28.205	25.205	21.713	10.000					
5	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	7593197	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	10.965	6.700	3.428	-					
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền	7593197	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	486/QĐ-UBND 13/4/2023	109.879	53.879	43.000	39.978	30.000					
7	Hệ thống thoát nước thị trấn Phước Dân	7083298	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp		83.969	32.196	517							
II	ĐỐI ƯNG ODA				143.151	20.816	20.000	1.853	1.500	105.400	74.040	31.360	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>									83.400	54.040	29.360	-	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
1	Hồ chứa nước Kiên Kiên	7014311	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	291.488	146.956	139.941	79.855	17.701	14.400	13.040	1.360		
2	Phân bổ chi tiết cho sau khi đảm bảo các thủ tục đầu tư (dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)									69.000	41.000	28.000		Bổ trí sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				143.151	20.816	20.000	1.853	1.500	22.000	20.000	2.000	-	
3	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (ADB8)	7608311	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	1154 10/7/2018 812 02/6/2020 199 28/02/2022	832.794	79.412	79.412	43.454	37.481	20.000	20.000			
4	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ, tỉnh Ninh Thuận (GCF)	7899783	Sở Nông nghiệp và PTNT	945/QĐ-UBND 24/5/2021	143.151	20.816	20.000	1.853	1.500	2.000		2.000		
III	ĐỐI ƯNG NSTW				1.362.329	238.371	221.983	171.773	108.331	48.500	15.000	33.500	-	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	7564161	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	387/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	245.329	145.329	128.941	110.117	57.675	8.000	8.000			
3	Đường nối từ cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 1 và Cảng biển tổng hợp Cả Nà	7916457	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	132/QĐ-UBND 31/01/20221 21217 19/9/2023	903.000	79.042	79.042	61.656	50.656	15.000		15.000		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
4	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá Cà Ná	7924268	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	3382/QĐ-BNN-KH 27/7/2021	214.000	14.000	14.000			7.000	7.000			
5	Phân bổ chi tiết sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư (Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn)									18.500		18.500		
IV	ĐỐI ƯNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG						120.000	58.000	31.000	56.200		56.200		
V	PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, TP						1.809.600	918.974	206.671	431.500	99.200	252.300	80.000	
<i>a</i>	<i>- Vốn Trung ương cân đối</i>						<i>525.000</i>	<i>284.000</i>	<i>98.000</i>	<i>99.200</i>	<i>99.200</i>			
	Thành phố PRTC						70.350	38.048	13.132	13.293	13.293			
	Huyện Ninh Sơn						80.586	43.601	15.043	14.751	14.751			
	Huyện Ninh Phước						78.068	42.231	14.573	15.227	15.227			
	Huyện Thuận Nam						76.073	41.154	14.200	14.374	14.374			
	Huyện Ninh Hải						71.085	38.453	13.269	13.431	13.431			
	Huyện Thuận Bắc						72.503	39.222	13.534	13.700	13.700			
	Huyện Bác ái						76.335	41.291	14.249	14.424	14.424			
<i>b</i>	<i>- Thu tiền sử dụng đất</i>						<i>700.000</i>	<i>476.800</i>	<i>19.200</i>	<i>167.500</i>		<i>167.500</i>		
	Thành phố PRTC						245.000	160.000	55.000	70.000	70.000		70.000	
	Huyện Ninh Sơn						90.000	60.000	20.000	20.000	20.000		20.000	
	Huyện Ninh Phước						155.000	96.000	32.000	32.000	32.000		32.000	
	Huyện Thuận Nam						45.000	39.000	14.500	15.000	15.000		15.000	
	Huyện Ninh Hải						145.000	110.000	40.000	20.000	20.000		20.000	
	Huyện Thuận Bắc						18.000	10.300	2.000	10.000	10.000		10.000	
	Huyện Bác ái						2.000	1.500	500	500	500		500	
<i>c</i>	<i>Hỗ trợ các huyện, xã NTM</i>						<i>74.600</i>	<i>38.000</i>	<i>22.400</i>	<i>22.800</i>		<i>22.800</i>		
<i>d</i>	<i>Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông</i>						<i>490.000</i>	<i>109.633</i>	<i>62.071</i>	<i>125.000</i>		<i>45.000</i>	<i>80.000</i>	
	Thành phố PRTC						136.000	39.346	25.746	52.000	9.000	43.000		
	Huyện Ninh Sơn						42.000	8.400	4.200	8.400	4.000	4.400		
	Huyện Ninh Phước						109.000	19.800	10.900	21.800	10.000	11.800		
	Huyện Thuận Nam						48.000	11.087	5.725	11.300	6.000	5.300		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
	Huyện Ninh Hải						100.000	20.000	10.000	20.000		10.000	10.000	
	Huyện Thuận Bắc						30.000	6.000	3.000	6.000		3.000	3.000	
	Huyện Bắc ái						25.000	5.000	2.500	5.500		3.000	2.500	
<i>d</i>	<i>Hỗ trợ Hợp tác xã</i>						20.000	10.541	5.000	5.000		5.000		
	Thành phố PRTC						1.480	980	610	500		500		
	Huyện Ninh Sơn						3.705	926	-	1.100		1.100		
	Huyện Ninh Phước						4.445	2.801	1.689	650		650		
	Huyện Thuận Nam						3.705	1.468	1	1.000		1.000		
	Huyện Ninh Hải						3.705	1.852	926	900		900		
	Huyện Thuận Bắc						1.480	740	370	420		420		
	Huyện Bắc ái						1.480	849	479	430		430		
<i>e</i>	<i>Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh</i>						40.000			12.000		12.000		
	UBND huyện Ninh Phước						5.800			2.000		2.000		
	UBND huyện Ninh Sơn						7.000			2.000		2.000		
	UBND huyện Thuận Nam						14.400			4.000		4.000		
	UBND huyện Bắc Ái						12.800			4.000		4.000		
VI	LẬP THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		Sở Kế hoạch và Đầu tư				60.490	60.490	20.000	11.147	5.619	5.834	5.834	
VII	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						60.000	28.166	6.095	24.000		24.000		
	VQG Núi Chúa giai đoạn 2021-2025		BQL dự án VQG Núi Chúa							6.800		6.800		
	VQG Phước Bình giai đoạn 2021-2025		BQL dự án VQG Phước Bình							4.800		4.800		
	Dự án Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận, vay vốn AFD		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT						-	300		300		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
	Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị, giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải; thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước và thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận		Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước					500	500		500			
	Dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Bộ Việt Nam		Ban chuẩn bị dự án Tam nông giai đoạn 2					300	300		300			
	Dự án xây dựng tuyến đường động lực kết nối Cảng tổng hợp Cà Ná lên khu vực Nam Tây Nguyên		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông					1.000	1.000		1.000			
	Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030		Sở Nông nghiệp và PTNT					300	300		300			
	Các dự án chuẩn bị cho giai đoạn 2026-2030								10.000		10.000			
VIII	HỖ TRỢ QPAN						281.774	215.679	73.756	53.674	27.174	26.500	-	
1	BCH Quân sự tỉnh						163.994	129.047	45.500	21.070	9.570	11.500		
	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Trường bắn, thao trường huấn luyện BCHQS			1546/QĐ-UBND 07/9/2020	120.000	46.000	46.000	20.000	-	15.000	8.000	7.000		
	Trường bắn, thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh			1492/QĐ-TM 25/8/2014	131.101	60.345	24.559	22.980	4.849	1.570	1.570			
	Đường hầm Sứ chi huy cơ bản thời chiến huyện Ninh Phước			435/QĐ-QK 25/3/2022	42.276	42.276	42.276	10.143	8.843	4.500		4.500		
2	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh						52.125	42.876	13.000	15.204	8.204	7.000		
	Xây dựng bổ sung, nâng cấp đồn Biên phòng Phước Diêm (420)			1873/QĐ-UBND 21/12/2022	6.726	6.726	6.726	3.000	3.000	3.677	3.677			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
	Xây dựng, bổ sung nâng cấp Hải đội Biên phòng 2			1874/QĐ-UBND 21/12/2022	10.500	10.500	10.500	5.000	5.000	4.527	4.527			
	Phân bổ chi tiết sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư									7.000		7.000		
3	Công an tỉnh						65.655	43.756	15.256	17.400	9.400	8.000		
	Trụ sở làm việc Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Ninh Sơn, Bác Ái			389 06/4/2022	27.920	27.920	30.000	15.744	11.630	9.400	9.400			
	Phân bổ chi tiết sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư (trụ sở làm việc Công an xã Lợi Hải (giai đoạn 2) và Trụ sở làm việc Công an thị trấn Phước Dân									8.000		8.000		Giao vốn khi đủ các thủ tục theo quy định
IX	HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ CHÍNH SÁCH CHUYỂN ĐỔI SỐ						25.000	2.000	-	5.000		5.000		Phân bổ chi tiết khi đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo quy định
X	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	77/NQ-HĐND ngày 31/8/2021			60.000	50.000	50.000	10.000		10.000		
XI	THỰC HIỆN DỰ ÁN				525.740	388.678	373.567	89.487	79.957	168.400	97.400	71.000	-	
1	Xây mới Khoa truyền nhiễm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	7963549	Bệnh viện tỉnh	442/QĐ-UBND 04/4/2023	14.142	13.642	13.642	4.200	4.200	8.000	8.000			
2	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lán, xã Phước Kháng, huyện Thuận bắc	7962195	UBND huyện Thuận Bắc	765/QĐ-UBND 23/6/2022	93.454	93.454	83.000	33.500	25.870	24.000	24.000			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn NSDP đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch 2024				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: Năm 2023	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	
3	Xây dựng Nhà công vụ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy	7964047	Văn phòng Tỉnh ủy	1490/QĐ-UBND 28/10/2022	41.996	41.996	41.996	25.900	25.900	14.500	14.500			
4	Nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp y tế	7900238	Trường trung cấp y tế	1386/QĐ-UBND 21/7/2021	55.251	41.751	39.952	11.400	9.500	15.000		15.000		
5	Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	7999827	Sở Thông tin Truyền thông	1951/QĐ-UBND 31/12/2022	186.200	123.000	123.000	1.387	1.387	60.000	30.000	30.000		
6	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	8006576	Văn phòng Tỉnh ủy	313/QĐ-UBND 13/3/2023	27.000	27.000	27.000	13.100	13.100	10.000	10.000			
7	Đầu tư và phát triển Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận thành Trường chất lượng cao đến năm 2025	7927262	Trường cao đẳng nghề	1716/QĐ-UBND 24/11/2022	71.862	12.000	12.000	-	-	6.000		6.000		
8	Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng trụ sở TAND tỉnh		Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	1634/QĐ-UBND 29/11/2023	10.977	10.977	10.977			10.900	10.900			
9	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư phục vụ tuần tra, kiểm soát và tìm kiếm cứu nạn trên biển	7917344	Chi cục Thủy sản	115/QĐ-UBND 26/1/2022	24.858	24.858	22.000	-		10.000		10.000		
10	Phân bổ chi tiết cho dự án Cột thu lôi chống sét năm 2024 sau khi đảm bảo các thủ tục đầu tư									10.000		10.000		
XII	PHÂN BỐ SAU									187.000		187.000		Trình HĐND tỉnh thông qua phân bổ chi tiết khi hoàn tất thủ tục thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn vốn giải ngân ngay sau khi được giao kế hoạch